

Bản án số: 17/2022/DSST

Ngày: 22/7/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hiền Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Chu Thị Hà

Ông Đặng Thế Vinh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Đức Minh - Thư ký
Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:
Ông Trần Việt Phương - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 20/2022/TLST-DS ngày 07/4/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Ngân hàng Thương mại cổ phần H Việt Nam**
Trụ sở: Số 54^A N, phường L, quận Đ, Thành phố H; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP H Việt Nam

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Đức Q - Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý Tín dụng - Ngân hàng TMCP H Việt Nam (Theo giấy uỷ quyền số 3897/2020/UQ-TGĐ12 ngày 20/7/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP H Việt Nam)

Ông Bùi Đức Q uỷ quyền lại cho: Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1978 (Theo giấy uỷ quyền số 4611 ngày 29/6/2022) (Bà T có mặt tại phiên tòa)

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: Số 15C T, phường P, quận H, thành phố H; Hiện ở tại: Số 17 ngõ 2 đường C, phường C, quận H, thành phố H (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/11/2015, Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X) - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Quán Thánh với ông Nguyễn Hồng Q đã ký hợp đồng cho vay số QTH041/2015/HĐCV với các nội dung sau:

- Số tiền vay: 120.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên
- Mục đích sử dụng vốn vay: Mua sắm đồ gia dụng
- Lãi suất cho vay: Lãi suất theo quy định của X (thay đổi theo chính sách/sản phẩm do X ban hành từng thời kỳ và được quy định cụ thể tại các Khế ước nhận nợ
- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn
- Phương thức tính lãi: Tiền lãi được tính trên cơ sở dư nợ gốc giảm dần và số ngày vay thực tế, trên cơ sở một năm có 360 ngày, một tháng có 30 ngày.
- Lịch trả nợ gốc, lãi, phí: Thực hiện theo thỏa thuận của các bên tại Khế ước nhận nợ và các văn bản, thỏa thuận khác giữa hai bên (nếu có)

Thực hiện hợp đồng cho vay trên, X đã giải ngân cho ông Nguyễn Hồng Q số tiền 120.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số QTH041.1/2015/CVCN ngày 18/11/2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay, ông Nguyễn Hồng Q không thực hiện đúng cam kết trả nợ dẫn đến khoản vay bị quá hạn kéo dài. X đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông Q nhưng ông Q đều vi phạm nghĩa vụ trả nợ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của X.

Tạm tính đến ngày 29/6/2022, tổng dư nợ của ông Nguyễn Hồng Q là 276.993.336 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 106.666.668 đồng
- Nợ lãi: 170.326.668 đồng (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn)

Đề nghị Tòa án:

1. Buộc ông Nguyễn Hồng Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X) toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký. Tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2022 là 276.993.336 đồng.

2. Kể từ ngày 30/6/2022 tiếp tục tính lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi ông Q trả toàn bộ dư nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X)

Tại bản tự khai và tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Hồng Q trình bày:

Ông xác nhận có ký hợp đồng cho vay số QTH041/2015/HĐCV với Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X) như nguyên đơn trình bày. Ông đã tuân thủ các quy định hợp đồng tín dụng với phía Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X) cho đến tháng 3 năm 2016 thì gia đình ông gặp biến cố dẫn đến việc đóng lãi và trả gốc cho ngân hàng bị gián đoạn. Ngân hàng đã thông báo đến lãnh đạo cơ quan ông, gây sức ép

với lãnh đạo quản lý công tác của ông bằng đề nghị cơ quan thanh toán phần tiền lương của ông cho ngân hàng theo tháng để thực hiện nghĩa vụ hợp đồng của ông, đồng thời có thể báo cáo sự việc của ông lên cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị. Ông đã bị phê bình vì làm ảnh hưởng từ việc cá nhân đến uy tín của cơ quan, tập thể, yêu cầu ông phải giải quyết sự việc không được làm ảnh hưởng cơ quan. Đơn vị ông công tác đã không chấp nhận đề nghị do phía nhân viên thu hồi tín dụng đã nêu, tiếp theo là gửi báo cáo đến UBND quận Hai Bà Trưng nơi ký hợp đồng lao động với ông để chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn của ông vào tháng 10 năm 2016. Sau khi nghỉ việc, ông đã không thể tìm được công việc khác. Ông đã phải đi nhận trợ cấp thất nghiệp từ tháng 01/2017 đến hết tháng 6/2017. Các thông tin cá nhân của ông đối với việc vay nợ tại ngân hàng bị đem ra bôi nhọ trên mạng xã hội. Việc ông có nợ xấu đã ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống cá nhân của ông, gây tác động tiêu cực đến việc tìm công việc có thu nhập để duy trì đời sống và khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình cho ngân hàng. Các mối quan hệ bạn bè, đồng nghiệp cũ, người thân quen đều tránh tiếp xúc với ông. Ông đã rất nỗ lực để tìm kiếm công việc khác nhưng không có kết quả. Ông đã thử làm đủ các nghề để có thu nhập nhưng sức khỏe giảm sút cộng thêm tuổi tác không còn trẻ để đáp ứng đòi hỏi của các chủ sử dụng lao động. Bản thân ông hiện nay cũng chưa có việc làm tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Ông nhận thức mình vẫn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ với hợp đồng tín dụng mình đã ký với Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X). Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập nên ông không có phương án trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Nguyễn Hồng Q phải trả tổng số tiền tính đến ngày 22/7/2022 là: 278.833.335 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 106.666.668 đồng
- Nợ lãi: 172.166.667 đồng

Ông Q còn phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 23/7/2022 cho đến khi ông Q trả toàn bộ dư nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP H Việt Nam.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng Q giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại bản tự khai và tại Tòa án. Ông Q nhận thức mình vẫn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ với hợp đồng tín dụng mình đã ký với Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X). Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập nên ông không có phương án trả nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác

định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ yêu cầu của Tòa án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X) đối với bị đơn là ông Nguyễn Hồng Q. Buộc ông Q phải trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử và lãi trên tiền gốc đến ngày tất toán khoản nợ. Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ hợp đồng cho vay số QTH041/2015/HĐCV ngày 18/11/2015. Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X) có đăng ký kinh doanh và là tổ chức kinh doanh có mục đích lợi nhuận. Ông Nguyễn Hồng Q là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, việc vay tiền là để mua sắm đồ gia dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bị đơn cư trú tại số 17 ngõ 2 đường C, phường C, quận H, thành phố H. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về yêu cầu phản tố: Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

- Về các chứng cứ tài liệu trong vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã thu thập, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự có mặt và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Ngân hàng Ngân hàng TMCP H Việt Nam và ông Nguyễn Hồng Q đã Hợp đồng cho vay số QTH041/2015/HĐCV ngày 18/11/2015 và Khế ước nhận nợ số QTH041.1/2015/CVCN ngày 18/11/2015 với nội dung:

Số tiền vay: 120.000.000 đồng

Ngày nhận nợ: 18/11/2015

Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên

Lãi suất vay: Lãi suất theo quy định của X (thay đổi theo chính sách/sản phẩm do X ban hành từng thời kỳ và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ (18%/năm, tính trên dư nợ thực tế và được điều chỉnh theo Thông báo của bên A)

Mục đích vay: mua sắm đồ gia dụng

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Phương thức tính lãi: Tiền lãi được tính trên cơ sở dư nợ gốc giảm dần và số ngày vay thực tế, trên cơ sở một năm có 360 ngày, một tháng có 30 ngày.

Chủ thể ký kết Hợp đồng là người có thẩm quyền, có đầy đủ năng lực. Nội dung ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên không có tranh chấp về tính hiệu lực của hợp đồng cho vay số QTH041/2015/HĐCV nên hợp đồng cho vay số QTH041/2015/HĐCV này đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Trên cơ sở Hợp đồng cho vay, Ngân hàng TMCP H Việt Nam đã giải ngân số tiền cho vay 120.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số QHT041.1/2015/CVCN ngày 18/11/2015. Việc hai bên xác lập và thực hiện hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng nên Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết và là cơ sở xem xét trách nhiệm các bên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, phía ngân hàng cũng như phía ông Q đều xác nhận đã trả được 20.702.498 đồng (bao gồm tiền gốc: 13.333.332 đồng, lãi trong hạn: 7.293.333 đồng, lãi quá hạn: 75.833 đồng). Từ ngày 21/01/2016 do bị đơn không thanh toán đúng như cam kết trong Hợp đồng tín dụng nên ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 22/7/2022, ông Q còn phải thanh toán cho Ngân hàng 278.833.335 đồng (bao gồm tiền gốc: 106.666.668 đồng, tiền lãi bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn: 172.166.667 đồng)

Tại mục 7 của Khế ước nhận nợ số 041 ngày 18/11/2015 có quy định: *việc trả nợ gốc đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần, Số kỳ trả gốc 36 kỳ, Ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21/12/2015. Các kỳ tiếp theo nợ gốc được trả 01 tháng/lần vào ngày 20 hàng tháng. Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ: 3.333.333 đồng, kỳ cuối trả tất toán. Ngày trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 21/12/2015, các kỳ lãi tiếp theo nợ lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 20 hàng tháng.* Tuy nhiên từ ngày 21/7/2016, bị đơn đã không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho ngân hàng. Đến nay bị đơn vẫn chưa trả được hết nợ gốc do vậy yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện đòi nợ gốc còn lại 106.666.668 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về lãi: nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 22/7/2022 với số tiền là 172.166.667 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo cho đến khi thực tế khoản nợ được thanh toán hết.

Tại khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Tại Điều 2 của Hợp đồng cho vay số QTH041 ngày 18/11/2015 có quy định:

1. Lãi suất vay: *Lãi suất theo quy định của bên A (thay đổi theo chính sách/sản phẩm do bên A ban hành từng thời kỳ) và được quy định tại Khế ước nhận nợ.*

2. *Điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay sẽ được giữ cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, trừ trường hợp được bên A quyết định thay đổi vào từng thời điểm...*

3. *Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn*

Vậy kể từ ngày 21/7/2016 ông Q không trả bất kỳ khoản tiền nào là vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay.

Như vậy căn cứ khoản 2 Điều 290 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 2 Hợp đồng cho vay số QTH041 ngày 18/11/2015 thì ngoài việc phải trả nợ gốc, bên vay còn phải trả nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn nên việc ngân hàng yêu cầu người vay phải trả lãi là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 290; Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

- Căn cứ Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X) đối với ông Nguyễn Hồng Q.

2. Buộc ông Nguyễn Hồng Q phải thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng cho vay số QTH041/2015/HĐCV ngày 18/11/2015 cho Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X) tính đến ngày 22/7/2022 là 278.833.335 (Hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó: Nợ gốc: 106.666.668 đồng; Nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và quá hạn) 172.166.667 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hồng Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng cho vay số QTH041/2015/HĐCV ngày 18/11/2015. Lãi suất theo quy định của X (thay đổi theo chính sách/sản phẩm do X ban hành từng thời kỳ và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ).

4. Án phí: Ông Nguyễn Hồng Q phải chịu 13.942.000 (Mười ba triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X) được nhận lại số tiền 12.600.000 (Mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 51548 ngày 04/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP H Việt Nam (X), ông Nguyễn Hồng Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND Q.Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS Q Hoàn Kiếm
- Các đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hiền Vinh